

PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KINH TẾ TRONG NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH NAM ĐỊNH

Nguyễn Phương Lê

Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: nguyenvphuongle@vnua.edu.vn

Nguyễn Thanh Phong

Học viện Nông nghiệp Việt Nam
Email: ntphong@vnua.edu.vn

Mã bài: JED - 670

Ngày nhận: 19/05/2022

Ngày nhận bản sửa: 06/07/2022

Ngày duyệt đăng: 25/07/2022

Tóm tắt:

Nam Định là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước được công nhận là tỉnh hoàn thành tất cả các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới, trong đó có tiêu chí xây dựng các loại hình tổ chức kinh tế trong nông nghiệp nông thôn. Các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp của tỉnh Nam Định ngày càng mở rộng về quy mô, gia tăng về kết quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người lao động. Tuy vậy, trong cơ cấu các loại hình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông hộ vẫn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối, số lượng trang trại và hợp tác xã còn ít và có chiều hướng giảm, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ, quy mô nhỏ và tốc độ tăng chậm, tỷ lệ nông sản được tiêu thụ qua các mô hình liên kết chưa cao. Để thúc đẩy các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, quy mô lớn và liên kết theo chuỗi giá trị, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp về tập trung đất đai, chuyển giao công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư và chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

Từ khóa: Phát triển, tổ chức kinh tế, nông nghiệp, Nam Định.

Mã JEL: Q1, Q12, Q18

Development of economic organization in agriculture in Nam Dinh

Abstract:

Nam Dinh is one of the first two provinces that has completed all the criteria of new countryside program. As a result, economic organizations in agricultural production have increasingly expanded in size, increased in total revenue and labor's income. However, the structure of categories of production organizations in agriculture in Nam Dinh showed that households still account for very high proportion; the number of farms and cooperatives is small and tends to decrease; the number of agricultural firms is little, small scale and slow growth rate; the percentage of agricultural products consumed through the linkage among organizations is not high enough. In order to promote economic organizations in agriculture for developing towards modernity, large-scale and value chain linkage, this research has recommended some solutions on land consolidation, transfer technology, attracting investment firms and shifting rural labor to non-agricultural sectors.

Keywords: Development, economic organization, agriculture, Nam Dinh.

JEL Codes: Q1, Q12, Q18

1. Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong tổng GDP của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, có xu hướng giảm. Mặc dù vậy, nông nghiệp vẫn được coi là một trong những hoạt động kinh tế quan trọng để chấm dứt tình trạng nghèo tuyệt đối và thúc đẩy thịnh vượng chung của toàn cầu, nông nghiệp có thể nuôi sống đến 9,7 tỷ người vào năm 2050 (Ngân hàng Thế giới, 2016). Ở Việt Nam,

giai đoạn 2016 – 2020, tỷ trọng của lĩnh vực nông – lâm nghiệp và thủy sản trong tổng GDP giảm từ 15,35% năm 2016 xuống còn 13,63% năm 2020 (Tổng cục Thống kê, 2020). Tuy nhiên, trong giai đoạn này, lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam vẫn tiếp tục thể hiện vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế, là nền tảng cho ổn định đời sống xã hội, cụ thể: tốc độ tăng trưởng GDP toàn ngành bình quân đạt 2,54%/năm; tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 138,7 tỷ USD, riêng năm 2020 đạt 28,7 tỷ USD, thu nhập của cư dân nông thôn năm 2020 bình quân đạt 41,8 triệu đồng/người (Trần Thị Thu Trang, 2021). Có được kết quả trên là nhờ sự can thiệp của nhiều chính sách và giải pháp, đặc biệt là Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp (Chính phủ, 2013), Chương trình Xây dựng nông thôn mới (Chính phủ, 2010; 2022)...

Trong xây dựng nông thôn mới, tiêu chí phát triển tổ chức sản xuất (tiêu chí số 13) được xem là một trong các tiêu chí cốt lõi nhằm góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân. Phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp được nhìn nhận trên quan điểm tổng thể từ phát triển kinh tế hộ đến phát triển kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp và mối quan hệ liên kết giữa các tổ chức kinh tế này.

Nam Định là một trong hai tỉnh đầu tiên của cả nước được công nhận là tỉnh nông thôn mới (Đoàn Hồng Phong, 2019). Để thúc đẩy phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp, tỉnh Nam Định đã chỉ đạo các ngành, các địa phương tập trung hỗ trợ và nâng cao hiệu quả sản xuất của các hộ, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp. Nhờ đó, các tổ chức kinh tế nông nghiệp có quy mô lớn được hình thành và phát triển. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 366 trang trại, 388 hợp tác xã nông nghiệp, 104 doanh nghiệp và 32 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại và hộ. Việc đổi mới phát triển các tổ chức kinh tế, đặc biệt là phát triển các chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp đã từng bước hình thành lực lượng lao động mới có tư duy phát triển nông nghiệp hàng hóa, với quy mô, trình độ, hiệu quả gắn với thị trường, bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị (Thanh Thúy, 2021).

Bên cạnh những thành công kể trên, phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở tỉnh Nam Định vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn, cụ thể là sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn ở quy mô nông hộ nhỏ lẻ và phân tán, số lượng hộ nông dân vẫn chiếm tới 99,8% tổng số đơn vị sản xuất nông nghiệp và có xu hướng giảm chậm, bình quân giai đoạn 2016-2020, giảm 0,03%/năm (Hội Nông dân tỉnh Nam Định, 2021), số lượng trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp tuy có tăng nhưng vẫn chiếm tỷ lệ hết sức khiêm tốn. Vì lý do đó, bài viết được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích thực trạng, chỉ rõ những thành công/bất cập và trên cơ sở đó đề xuất giải pháp phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở tỉnh Nam Định trong thời gian tới.

2. Tổng quan và khung lý thuyết về phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp

2.1. Khung lý thuyết về phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp

Khái niệm về tổ chức kinh tế trong sản xuất nông nghiệp nói riêng được định nghĩa trong các văn bản Luật và chính sách của Chính phủ. Điều 3 Luật Đầu tư 2020 định nghĩa: Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh (Quốc hội, 2020a), hay tại Khoản 27 Điều 3 Luật Đất đai 2013 có liệt kê các tổ chức kinh tế như sau: Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật về dân sự, trừ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Quốc hội, 2013). Sự ra đời và tồn tại của từng tổ chức kinh tế ở Việt Nam có lịch sử khác nhau.

Hộ nông dân là đơn vị kinh tế phổ biến nhất trong mọi nền nông nghiệp. Khái niệm và bản chất của kinh tế hộ được nhiều học giả trên thế giới và trong nước thảo luận như Chayanov (1926), Ellis (1988), Lê Đình Thắng (1993) và Đào Thế Tuấn (1997), điểm chung mà các học giả đưa ra là: Hộ nông dân là các hộ có phương tiện kiếm sống dựa trên ruộng đất, chủ yếu sử dụng lao động gia đình, tham gia từng phần vào thị trường với mức độ không hoàn hảo. Kinh tế hộ nông dân được coi là đơn vị kinh tế tự chủ từ sau Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị nhờ hai nội dung quan trọng: (i) Khẳng định quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh cho các hộ; và (ii) Giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân.

Trong quá trình phát triển kinh tế hộ nông dân, nhiều hộ đã mở rộng quy mô sản xuất theo hướng hàng hóa phục vụ nhu cầu của thị trường thông qua tập trung và tích tụ ruộng đất. Kinh tế trang trại ở Việt Nam được chính thức thừa nhận từ sau Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP. Theo đó, kinh tế trang trại được định nghĩa là “hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp, nông thôn, chủ yếu dựa vào hộ gia đình nhằm mở rộng quy mô

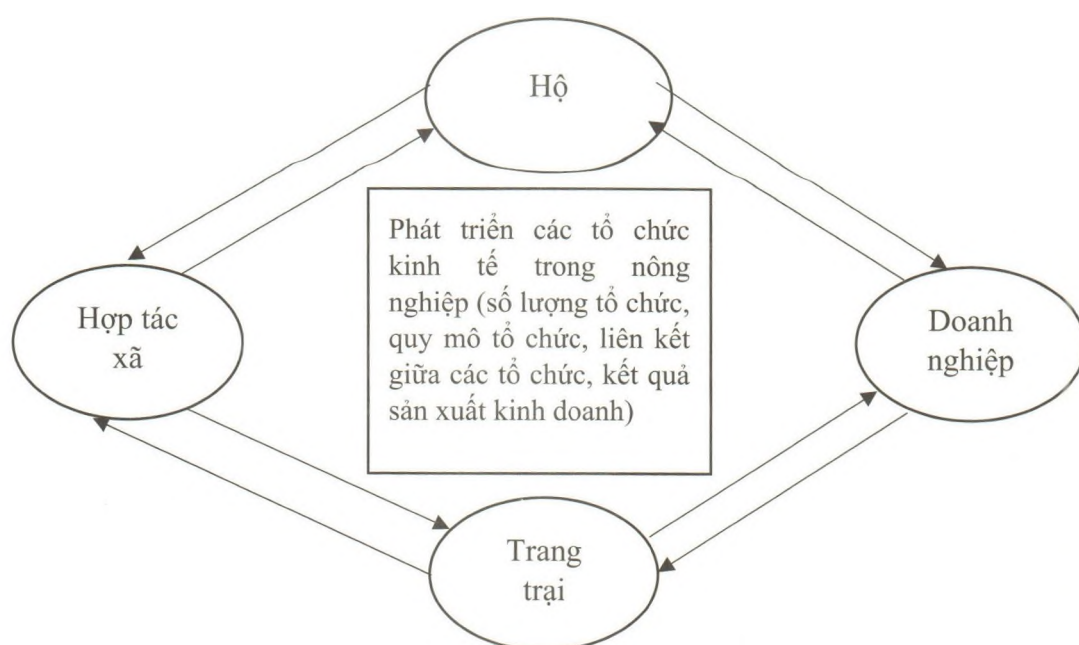
và nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng, gắn với chế biến và tiêu thụ” (Chính phủ, 2000). Tiêu chí xác định trang trại ở nước ta thay đổi theo từng thời kỳ từ Nghị quyết 03/2000/NQ-CP đến Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT (Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, 2011; 2020). Trang trại khác với nông hộ ở chỗ tham gia sâu hơn vào thị trường đầu vào và đầu ra, nhiều trang trại đã tham gia toàn bộ vào thị trường.

Bên cạnh hộ và trang trại, hợp tác xã được xem là một tổ chức kinh tế quan trọng trong nông nghiệp. Bản chất của hợp tác xã là các cá nhân, hộ, trang trại... hợp tác lại với nhau để sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ nông nghiệp nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích của các thành viên (Đỗ Kim Chung, 2021). Ở Việt Nam, trước đổi mới, hợp tác xã được coi là đơn vị kinh tế cơ bản của nền nông nghiệp. Tuy nhiên, sau đổi mới, đặc biệt là từ năm 1988, hợp tác xã được coi là tổ chức kinh tế, không giới hạn không gian (theo thôn, xã) và hoạt động sản xuất kinh doanh bình đẳng với các tổ chức kinh tế khác.

Tương tự hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp ở Việt Nam ra đời từ thời kỳ hợp tác hóa với tên gọi là nông-lâm trường quốc doanh. Từ khi thực hiện Luật Doanh nghiệp (Quốc hội, 1999) và Nghị quyết trung ương số 14 (Đảng cộng sản Việt Nam, 2002), doanh nghiệp nông nghiệp được phát triển cả ở khu vực công và khu vực tư nhân. Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp nông nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp (Quốc hội, 2020b). Ở khu vực công, các nông-lâm trường quốc doanh được tổ chức, sắp xếp lại và đổi mới thành các doanh nghiệp nông-lâm nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020. Ở khu vực kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp nông nghiệp đăng ký thành lập mới ngày càng nhiều với quy mô ngày càng lớn và lĩnh vực kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật nhưng ngày càng đa dạng (doanh nghiệp cung ứng đầu vào nông nghiệp, doanh nghiệp sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ nông nghiệp).

Trong quá trình phát triển, các tổ chức kinh tế không hoạt động độc lập mà chúng có liên kết với nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, thông qua đó chia sẻ lợi ích và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Để thúc đẩy liên kết giữa các tổ chức kinh tế trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, cụ thể như: Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg về khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg về khuyến khích hợp tác liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và

Hình 1: Khung phân tích đánh giá phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp



tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Nhờ các chính sách trên, nhiều mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản được hình thành, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của các ngành hàng nông sản.

Trên cơ sở các khái niệm và bản chất của kinh tế hộ, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp cũng như mối quan hệ giữa các tổ chức trên, bài viết này đánh giá sự phát triển của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp dựa trên khung phân tích ở Hình 1.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan về phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp

Trong khoa học quản lý, cụm từ *tổ chức* (organization) có thể được hiểu theo các cách khác nhau. Theo cách hiểu thông thường, danh từ *tổ chức* được định nghĩa là một tập hợp các cá nhân cùng làm việc vì một mục đích nào đó trong hình thái cơ cấu ổn định của xã hội. Với nghĩa này, cốt lõi của một tổ chức bao gồm: sự sẵn lòng để hợp tác trong tổ chức, mục tiêu chung của tổ chức và sự trao đổi thông tin trong tổ chức (Zuhui Huang & Qiao Liang, 2018). Một tổ chức kinh tế trong nông nghiệp được thể hiện qua sự phối hợp theo chiều dọc và sự liên kết theo chiều ngang trong sản xuất, tiêu thụ nông sản, tức là thể hiện được sự liên kết giữa các giai đoạn khác nhau trong một chuỗi cung ứng (Eswaran & Kotwal, 1985; Huang, 2008). Các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp truyền thống trên thế giới chủ yếu là trang trại do gia đình sở hữu, hợp tác xã (Nerlove, 1996) hoặc một hình thức canh tác tương đương sử dụng lao động làm thuê hoặc lao động phi nông nghiệp là các thành viên trong gia đình, thường xuất hiện ở các nước đang phát triển (Reardon & cộng sự, 2009) và ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường (Banaszak, 2004). Mỗi tổ chức kinh tế trong nông nghiệp được đặc trưng bởi các mục tiêu sản xuất, cách thức tổ chức các nguồn lực phù hợp với quy định của pháp luật, tham gia với các mức độ và quy mô khác nhau trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm (Đỗ Kim Chung, 2021).

Ở Trung Quốc, các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp trở nên đa dạng hơn từ khi thực hiện cải cách kinh tế (năm 1978). Các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở Trung Quốc hiện nay gồm công ty nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và các trang trại gia đình. Các tổ chức này khác nhau về cơ cấu quản trị, quyền sở hữu tài sản và quyền quyết định về phân phối thu nhập. Cụ thể, một công ty nông nghiệp được sở hữu và kiểm soát bởi một số ít cổ đông, một hợp tác xã nông dân được sở hữu và kiểm soát bởi tất cả các thành viên, trang trại gia đình được sở hữu và điều hành chủ yếu bởi các thành viên trong gia đình. Các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp còn khác nhau về mức độ và phương thức hợp tác và liên kết chẳng hạn như hợp đồng, liên kết theo chiều ngang và liên kết theo chiều dọc (Zuhui Huang & Qiao Liang, 2018).

Lịch sử phát triển nông nghiệp trên thế giới đã chứng minh rằng các tổ chức kinh tế như hộ nông dân, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp là các đơn vị cơ bản của nền nông nghiệp. Sự thăng trầm của các tổ chức kinh tế này quyết định đến sự phát triển của nền nông nghiệp của mỗi quốc gia trong đó có Việt Nam. Vì vậy, các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp là chủ đề thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu, điển hình như: (1) Các nghiên cứu về hộ nông dân của Trần Tiến Khai (2007), Hồ Cao Việt (2008), Mai Thị Thanh Xuân & Đặng Thị Thu Hiền (2013), Lê Đình Hải (2017), Hồ Quế Hậu (2019); (2) Các nghiên cứu về phát triển kinh tế trang trại của Ngô Xuân Toàn & Đỗ Thị Thanh Vinh (2014), Ngô Văn Hải & cộng sự (2021); (3) Các nghiên cứu về phát triển hợp tác xã và doanh nghiệp nông nghiệp của Nguyễn Thị Như Tâm (2018), Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Mậu Dũng (2021)... Tuy nhiên, các nghiên cứu này thường tập trung vào một tổ chức kinh tế cụ thể như hộ, hợp tác xã hay doanh nghiệp nông nghiệp và hướng vào một khía cạnh cụ thể của từng tổ chức sản xuất trong nông nghiệp mà chưa chỉ ra được xu hướng phát triển của các tổ chức kinh tế cũng như mối quan hệ liên kết giữa chúng trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Phương pháp nghiên cứu

Chọn điểm nghiên cứu: Ba huyện Hải Hậu, Nam Trực, Mỹ Lộc được chọn làm điểm nghiên cứu, trong đó Hải Hậu đại diện cho vùng ven biển với các sản phẩm đặc trưng là cây dược liệu và thủy sản, Nam Trực đại diện cho vùng trung tâm của tỉnh với sản phẩm chủ lực là lúa và chăn nuôi gia cầm và Mỹ Lộc đại diện cho vùng ven đô với các sản phẩm chủ yếu là hoa, cây cảnh, rau.

Thu thập thông tin: Thông tin thứ cấp được thu thập trong giai đoạn 2016 – 2020 từ Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê tỉnh Nam Định, các báo cáo của các Sở/ban/ngành có liên quan và các công trình nghiên cứu đã công bố.

Thông tin sơ cấp được thu thập trong năm 2020 bằng phương pháp điều tra hộ nông dân (300), trang trại (90), hợp tác xã (80) và doanh nghiệp (22) ở các điểm nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu có chủ đích được

áp dụng sao cho mẫu phản ánh được tính đa dạng của tổng thể. Nội dung điều tra tập trung vào lịch sử hình thành (đối với trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp), quy mô sản xuất kinh doanh, kết quả sản xuất kinh doanh và liên kết trong sản xuất cũng như tiêu thụ nông sản. Phương pháp phân tích chủ yếu là thống kê mô tả và so sánh theo thời gian và theo các loại hình tổ chức kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở tỉnh Nam Định

4.1.1. Số lượng và cơ cấu các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp ở tỉnh Nam Định

Hộ nông dân là đơn vị chủ lực (chiếm 99,8% tổng đơn vị sản xuất nông nghiệp) trong nông nghiệp tỉnh Nam Định. Mặc dù tên gọi là “hộ nông dân” nhưng trên thực tế hoạt động kinh tế của hộ ở Nam Định rất đa dạng, không chỉ nông – lâm – ngư nghiệp mà cả tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Số lượng hộ nông dân giảm trong 5 năm qua chủ yếu là do các hộ chuyển đổi ngành nghề sang làm dịch vụ, làm công nhân trong các khu công nghiệp và một bộ phận không nhỏ di cư ra các đô thị lớn.

Đối với trang trại, tỉnh Nam Định đã thực hiện các chính sách hỗ trợ nâng cao chất lượng nhân lực, chuyên giao công nghệ, xúc tiến thương mại, bảo hộ tài sản đã đầu tư để khuyến khích mô hình kinh tế trang trại phát triển. Nhờ vậy, số lượng trang trại trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn 2000 – 2011, tăng chậm lại trong giai đoạn 2011 – 2017, và giảm mạnh vào năm 2020, tốc độ giảm bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 4,28%, nguyên nhân là do sự thay đổi về tiêu chí công nhận trang trại giữa Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngoài ra, sự ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi và đại dịch Covid-19 cũng khiến cho nhiều trang trại phải ngừng kinh doanh.

Bảng 1: Số lượng các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Tổ chức kinh tế trong nông nghiệp	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tốc độ phát triển bình quân
Hộ nông dân	378.448*	378.304*	378.183*	378.049*	377.973*	99,97
Trang trại	436	442	414	407	366	95,72
Hợp tác xã	390	367	365	378	388	99,87
Doanh nghiệp	60	78	85	99	104	114,74

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Nam Định; * Hội Nông dân tỉnh Nam Định.*

So với hộ gia đình, hợp tác xã có năng lực hơn trong liên kết để hình thành chuỗi giá trị, bảo đảm tiêu thụ sản phẩm một cách ổn định cho cả tỉnh. Các hợp tác xã nông nghiệp ở Nam Định chủ yếu là cung cấp đầu vào vào (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và các loại dịch vụ (thủy lợi nội đồng, bảo vệ đồng ruộng, diệt chuột...) cho các thành viên. Một số hợp tác xã đã liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Trong những năm qua, tỉnh Nam Định đã triển khai thực hiện nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước cùng với các giải pháp của địa phương để phát triển nông nghiệp - nông thôn, đặc biệt là các chính sách cơ cấu lại nền nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, tích tụ ruộng đất... Mục tiêu của các giải pháp đều hướng tới giảm số lượng hộ sản xuất quy mô nhỏ, manh mún, tăng số lượng các tổ chức có quy mô lớn hơn như trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, số liệu ở Bảng 1 cho thấy trong 5 năm 2016-2020 số lượng hộ nông dân của tỉnh có xu hướng giảm với 0,03%/năm, chậm hơn so với tốc độ chung của vùng đồng bằng sông Hồng (1,7%), số lượng hợp tác xã và trang trại cũng giảm, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp còn khiêm tốn (chỉ chiếm 0,016% năm 2016 và 0,027% năm 2020 trong tổng số tổ chức sản xuất nông nghiệp) và tăng với tốc độ 14,74%, chậm hơn nhiều so với tốc độ của vùng đồng bằng sông Hồng (23,5%).

4.1.2. Quy mô của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Diện tích đất nông nghiệp có sự khác biệt rõ rệt giữa các tổ chức kinh tế ở tỉnh Nam Định. Diện tích đất bình quân/hộ khoảng hơn 700m² (tương đương 2 sào Bắc bộ), phần lớn là đất được giao, một phần nhỏ là đất thuê. Tỷ lệ hộ có diện tích dưới 0,5 ha của tỉnh rất lớn (85,33% năm 2020) mặc dù tỷ lệ này đã giảm so với 5 năm trước (chiếm 96,08% năm 2016). Số hộ có quy mô diện tích lớn hơn 0,5 ha và hộ không sử dụng đất tăng lên (tỷ lệ hộ có quy mô diện tích từ 0,5 đến 2 ha tăng từ 3,69% năm 2016 lên 10,67% năm 2020; và

hộ có diện tích trên 2 ha tăng từ 0,23% năm 2016 lên 2,33% năm 2020).

Bảng 2: Quy mô đất đai của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tại tỉnh Nam Định

Tổ chức	Diện tích bình quân (ha)	Phân theo quy mô diện tích đất sử dụng (%)			
		Không sử dụng đất	<0,5ha	0,5 - 2 ha	> 2ha
Hộ	0,07	1,67	85,33	10,67	2,33
Trang trại	2,34	-	17,78	46,67	35,56
HTX	0,54	68,89	11,11	15,56	4,44
Doanh nghiệp	111,9	70,97	12,90	12,90	3,23

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020.

Đất đai cho sản xuất của các trang trại chỉ có một phần là đất được giao, đại bộ phận đất là do các đơn vị mua của các hộ không có nhu cầu sử dụng. Ngoài ra, ở một số xã, thị trấn do không thể mua được đất nên các trang trại lựa chọn phương án thuê đất từ các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn. Diện tích đất bình quân của trang trại là 2,34ha, trong đó tỷ lệ lớn nhất là trang trại có diện tích từ 0,5 đến 2ha.

Doanh nghiệp và hợp tác xã nông nghiệp ở Nam Định chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nên có tỷ lệ không sử dụng đất khá cao (69% và 71% một cách tương ứng). Đối với các hợp tác xã và doanh nghiệp có sử dụng đất thì chủ yếu có diện tích nhỏ hơn 2ha. Sau khi thực hiện giải thể và thành lập mới theo Luật hợp tác xã năm 2012 chỉ có 12,37% hợp tác xã nông nghiệp ở Nam Định có đất. Một số hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp được chính quyền xã cho mượn trụ sở của hợp tác xã nông nghiệp cũ, nhiều hợp tác xã không có trụ sở làm việc.

Tương tự như đất đai, quy mô vốn của doanh nghiệp nông nghiệp lớn nhất trong bốn loại hình tổ chức kinh tế sản xuất nông nghiệp, đứng thứ hai là trang trại, sau đó đến hợp tác xã và cuối cùng là hộ. Về cơ cấu nguồn vốn, các hộ sản xuất hàng hóa (dược liệu, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) chủ yếu sử dụng vốn vay để đầu tư, tỷ lệ hộ không vay vốn rất nhỏ (khoảng 20%), bình quân chung vốn vay chiếm tới 76% trong tổng nguồn vốn của hộ. Nguồn vay chủ yếu của hộ là vốn vay từ người thân, bạn bè, sau đó đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỷ lệ hộ vay vốn từ Ngân hàng Chính sách và Xã hội và Quỹ Tín dụng nhân dân không đáng kể.

Bảng 3: Tình trạng vốn của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Tổ chức	Bình quân (triệu đồng/năm)	Tỷ lệ vốn tự có (%)	< 1 tỷ (%)	1- 5 tỷ (%)	> 5 tỷ (%)
Hộ	82,40	27,00	98,33	1,67	-
Trang trại	576,51	75,56	84,44	13,33	2,22
HTX	99,21	30,00	95,56	4,44	-
Doanh nghiệp	5.827,00	45,45	17,17	32,32	50,51

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020.

Cùng với xu hướng giảm sút của lực lượng lao động tham gia vào sản xuất nông nghiệp, số lao động thường xuyên làm việc trong các tổ chức kinh tế cũng giảm đáng kể. Theo đó, lao động thường xuyên bình quân/hộ và trang trại chỉ từ 2 đến 3 người. Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp có số lao động dưới 15 người chiếm trên 50% và tỷ lệ doanh nghiệp nông nghiệp có số lao động dưới 5 người chiếm 46,9%. Xu hướng giảm lao động nông nghiệp thể hiện việc dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp – dịch vụ và từ nông thôn ra thành thị. Ngoài ra, việc ứng dụng kỹ thuật tiên bộ trong sản xuất, đặc biệt ở các khâu làm đất, chăm sóc và thu hoạch đã làm giảm đáng kể nhu cầu lao động trong lĩnh vực nông nghiệp.

4.1.3. Liên kết trong sản xuất kinh doanh giữa các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Ở Nam Định những năm qua đã hình thành và phát triển mô hình hợp tác, liên kết giữa các loại hình tổ chức kinh tế trong sản xuất lúa, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt hải sản và sản xuất – chế biến dược liệu. Việc thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và hợp tác xã với trang trại hay hộ nông dân diễn ra theo 3 hình thức: (i) Doanh nghiệp và hợp tác xã cung cấp đầu vào cho hộ hoặc trang trại; (ii) Doanh nghiệp và hợp tác xã ký hợp

đồng tiêu thụ đầu ra cho hộ hoặc trang trại; (iii) Doanh nghiệp và hợp tác xã cung cấp đầu vào và tiêu thụ đầu ra cho hộ nông dân hoặc trang trại trong khi đó hộ/trang trại sản xuất và cung ứng sản phẩm cho doanh nghiệp/hợp tác xã với số lượng và chất lượng theo yêu cầu.

Đến cuối năm 2021, tỉnh Nam Định đã xây dựng được trên 30 chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, doanh nghiệp với hợp tác xã, doanh nghiệp với trang trại và hộ nông dân. Đã có 81 cơ sở, doanh nghiệp áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến như HACCP, VietGAP, GMP... Nhiều sản phẩm được xây dựng thương hiệu, công bố chất lượng đã giúp tiếp cận với thị trường tốt hơn, nâng cao giá trị thương mại. Kết quả điều tra hộ nông dân cho thấy 75,83% người trả lời cho biết họ có liên kết trong tiêu thụ sản phẩm, 68,75% liên kết trong mua yếu tố đầu vào và cũng có nhiều hộ dân thực hiện liên kết trong việc chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp nhằm nâng cao trình độ, kiến thức sản xuất và cải tiến máy móc, trang thiết bị sử dụng trong sản xuất kinh doanh. Lợi ích lớn nhất mà các tổ chức kinh tế nhận được khi tham gia liên kết đó là tiếp cận được với thị trường cả đầu vào và đầu ra một cách thuận lợi nhất, về phía hộ và trang trại thì còn được nhận hỗ trợ về tư vấn kỹ thuật chăm sóc trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản từ phía doanh nghiệp. Bên cạnh đó, với giá đầu vào và đầu ra ổn định căn cứ trên hợp đồng giữa doanh nghiệp và hợp tác xã mà các hộ dân trên địa bàn các huyện như Hải Hậu, Giao Thủy, Nam Trực cũng giảm thiểu được những rủi ro về chất lượng đầu vào và rủi ro về giá đầu ra.

Các liên kết theo chuỗi giá trị thành công phần lớn là nhờ vào sự hình thành và phát triển của mô hình “cánh đồng lớn”. Kết quả điều tra nông nghiệp – nông thôn năm 2020 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tỉnh Nam Định có 199 cánh đồng lớn (chiếm 39,5% số cánh đồng lớn của vùng Đồng bằng sông Hồng và 12% số cánh đồng lớn của cả nước) với 48.382 hộ tham gia (chiếm 43,5% tổng số hộ tham gia của vùng Đồng bằng sông Hồng và 14,8% số hộ tham gia của cả nước, trong đó có tới 13,7% tổng diện tích gieo trồng cánh đồng lớn của tỉnh được các doanh nghiệp ký hợp đồng bao tiêu trước sản phẩm.

4.1.4. Kết quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Kết quả sản xuất kinh doanh của hộ và trang trại được đánh giá dựa trên tiêu chí tổng giá trị sản xuất của đơn vị, thu nhập bình quân/khẩu/năm (đối với hộ) và thu nhập bình quân/lao động/năm (đối với trang trại). Tổng thu nhập bình quân/hộ và trang trại năm 2020 tăng tương ứng là 23% và 12% so với năm 2016, trong khi đó thu nhập bình quân/khẩu (hộ) và lao động (trang trại) năm 2020 tăng tương ứng 36% và 12%. So sánh giữa thời điểm 2020 và 2016 cho thấy doanh thu thuần và thu nhập/lao động/năm của hợp tác xã đều tăng nhanh hơn của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu xét về giá trị tuyệt đối thì doanh thu và thu nhập của người

Bảng 4: Kết quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp

DVT: Triệu đồng/năm

Tổ chức	2016		2020		So sánh 2020/2016 (lần)	
	Tổng thu/ đơn vị	Thu nhập/ khẩu hoặc lao động	Tổng thu/ đơn vị	Thu nhập/ khẩu hoặc lao động	Tổng thu/ đơn vị	Thu nhập/ khẩu hoặc lao động
Hộ	119,34	36,16	147,45	49,15	1,23	1,36
Trang trại	1.215,00	202,50	1.357,80	226,30	1,12	1,12
Hợp tác xã	933,45	22,79	1.282,83	31,75	1,37	1,39
Doanh nghiệp	13.206,00	52,20	15.227,50	58,50	1,15	1,12

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê tỉnh Nam Định 2016 và số liệu điều tra 2020.

lao động ở hợp tác xã thấp nhiều so với trang trại và doanh nghiệp. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là quy mô sản xuất của các hợp tác xã nhỏ, cơ sở vật chất thiếu, đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã yếu về chuyên môn nghiệp vụ, thiếu khả năng dự báo nhu cầu thị trường và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, chất lượng sản phẩm của hợp tác xã không đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

4.2. Những bất cập và giải pháp đề xuất cho phát triển các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp tỉnh Nam Định

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong những năm qua các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp của tỉnh Nam Định đã đạt được nhiều kết quả tích cực, mặc dù vậy nền nông nghiệp nhìn chung quy mô nhỏ, phân tán,

chủ yếu vẫn là kinh tế hộ (chiếm 99,8% tổng số đơn vị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh), số lượng trang trại và hợp tác xã nông nghiệp có xu hướng giảm do làm ăn thua lỗ dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, số lượng doanh nghiệp tăng song số lượng doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh rất ít và chủ yếu là quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Mô hình cánh đồng lớn và các chuỗi liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp đã được hình thành nhưng với quy mô hạn chế, tỷ lệ nông sản được tiêu thụ thông qua các liên kết mới chiếm 13,7% và tập trung chủ yếu ở các sản phẩm như lúa, dược liệu, thủy sản, rau và một số sản phẩm chăn nuôi. Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do: (i) Tích tụ và tập trung ruộng đất diễn ra chậm, sau nhiều năm thực hiện, đến năm 2021 toàn tỉnh mới tích tụ được gần 23% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp hàng năm; (ii) Các tổ chức kinh tế trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận các chính sách về đất, vốn, công nghệ và hỗ trợ liên kết (kết quả điều tra cho thấy trên 30% số hộ, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp cho rằng gặp khó khăn trong tiếp cận đất đai, con số tương tự đối với chính sách tín dụng); (iii) Sự gắn kết giữa các tổ chức kinh tế trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thiếu chặt chẽ nên hiệu quả kinh tế chưa cao.

Để thúc đẩy các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp phát triển, các giải pháp cần phải thực hiện trong thời gian tới là:

(i) Khuyến khích và tạo điều kiện cho tập trung ruộng đất (qua hình thức thuê gom) để hình thành các vùng chuyên canh lúa (ở Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Hải Hậu), màu (ở Giao Thủy, Nam Trực, Ý Yên, Xuân Trường), dược liệu (ở Hải Hậu, Giao Thủy), nuôi trồng thủy sản (ở Giao Thủy, Nghĩa Hưng, Hải Hậu);

(ii) Tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển trên cơ sở khuyến khích các hộ có khả năng về vốn, lao động và kinh nghiệm mở rộng quy mô sản xuất theo hình thức trang trại;

(iii) Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ dược liệu, lúa và thủy sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong nước và ngoài nước; chuyển mạnh từ sản xuất riêng lẻ ở quy mô nông hộ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn, trong đó doanh nghiệp làm nòng cốt;

(iv) Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp, nhất là các doanh nghiệp liên kết với hợp tác xã và hộ để hình thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, điển hình như Công ty TNHH Toàn Xuân, Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Biển Đông...;

(v) Tăng cường chuyên giao công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong các doanh nghiệp và hợp tác xã, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu gắn với truy xuất nguồn gốc, đáp ứng nhu cầu thị trường;

(6) Phát triển công nghiệp và dịch vụ nhằm hút bớt lao động ra khỏi lĩnh vực nông nghiệp, giảm nhanh số hộ sống dựa vào nông nghiệp ở khu vực nông thôn.

5. Kết luận

Lịch sử phát triển nông nghiệp Việt Nam cho thấy các tổ chức hộ, trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp ra đời và phát triển không chỉ do yêu cầu khách quan của sản xuất mà còn do hình thái kinh tế xã hội và chính trị quy định. Nghiên cứu ở tỉnh Nam Định cho thấy, trong giai đoạn 2016 - 2020 các tổ chức kinh tế trong sản xuất nông nghiệp đã ngày càng mở rộng về quy mô, gia tăng về kết quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người lao động. Tuy vậy, cơ cấu các loại hình tổ chức kinh tế trong nông nghiệp của tỉnh cho thấy nông hộ vẫn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối, số lượng trang trại và hợp tác xã còn ít và có chiều hướng giảm, số lượng doanh nghiệp nông nghiệp còn khiêm tốn và tốc độ tăng chậm, các mô hình cánh đồng lớn còn ít và đặc biệt là tỷ lệ nông sản được sản xuất và tiêu thụ thông qua hình thức liên kết giữa các tổ chức kinh tế chiếm tỷ trọng nhỏ. Để thúc đẩy nông nghiệp nói chung và các tổ chức kinh tế trong nông nghiệp nói riêng phát triển, tỉnh Nam Định cần ban hành và thực hiện các giải pháp đồng bộ về đất đai, chuyển giao công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư và chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực phi nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- Banaszak, I. (2004), *Agricultural Producer Groups in Poland, IDARI project presentation*, Humboldt University Berlin, www.nuigalway.ie/research/idari/downloads/prague_ilona_pres1.ppt.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011), *Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT Quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại*, ban hành ngày 13 tháng 4 năm 2011, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/Thong-tu-27-2011-TT-BNNPTNT-tieu-chi-thu-tuc-c-cap-giay-chung-nhan-kinh-te-trang-122048.aspx>
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020), *Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT Quy định tiêu chí trang trại*, ban hành ngày 28 tháng 2 năm 2020, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-02-2020-TT-BNNPTNT-tieu-chi-kinh-te-trang-trai-437240.aspx>
- Chayanov, A.V., (1926), 'The Theory of Peasant Economy', In D. Thorner, B. Kerblay, and .E.F. Smith, eds. Irwin: Homewood.
- Chính phủ (2000), *Nghị quyết số 03/NQ-CP về Kinh tế trang trại*, ban hành ngày 02 tháng 2 năm 2000, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nghi-quyet-03-2000-NQ-CP-kinh-te-trang-trai-46153.aspx>
- Chính phủ (2010), *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020*, ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2010, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-800-QĐ-TTg-phe-duyet-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-106910.aspx>.
- Chính phủ (2013), *Quyết định số 899/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững*, ban hành ngày 20 tháng 4 năm 2013, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Quyết-dinh-899-QĐ-TTg-nam-2013-phe-duyet-De-an-tai-co-cau-nganh-nong-nghiep-193141.aspx>.
- Chính phủ (2022), *Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*, ban hành ngày 10 tháng 5 năm 2022, truy cập từ <http://nongthonmoi.gov.vn/Pages/quyet-dinh-phe-duyet-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-xay-dung-nong-thon-moi-giai-doan-2021-2025.aspx>.
- Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 14-NQ/TW, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*, ban hành ngày 18/3/2002, truy cập từ <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/hoi-nghi-bch-trung-uong/khoa-ix/nghi-quyet-so-14-nqtw-ngay-1832002-hoi-nghi-lan-thu-nam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-ix-ve-tiep-tuc-doi-moi-co-650>
- Đào Thế Tuấn (1997), *Kinh tế hộ nông dân*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đỗ Kim Chung (2021), *Giáo trình Kinh tế nông nghiệp*, Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp, Hà Nội.
- Đoàn Hồng Phong (2019), *Nam Định – điểm sáng trong xây dựng nông thôn mới*, ngày 25 tháng 4 năm 2022, truy cập từ <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/815665/nam-dinh---diem-sang-trong-xay-dung-nong-thon-moi.aspx#>.
- Eswaran, M. & Kotwal, A. (1985), 'A theory of contractual structure in agriculture', *American Economic Review*, 75(3), 352-367.
- Frank Ellis (1988), *Peasant Economics: Farm Households and Agrarian Development*, New York: Cambridge University Press.
- Hồ Cao Việt (2008), *Chuyển dịch lao động của hộ nông dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ những năm 1990*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hồ Quế Hậu (2019), 'Những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của hộ nông dân trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 270, 51-62.
- Hội Nông dân tỉnh Nam Định (2021), *Báo cáo Tổng kết công tác hội và phong trào nông dân tỉnh Nam Định giai đoạn 2016 – 2020*, Văn phòng Hội Nông dân tỉnh Nam Định.
- Huang, Z. (2008), 'Theories and practices regarding the development of farmer cooperatives in China', *China Rural Economy*, 11, 4-7.

- Lê Đình Hải (2017), 'Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trên địa bàn huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội', *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp*, 4-2017, 162-171.
- Lê Đình Thắng (1993), *Phát triển kinh tế hộ theo hướng hàng hóa*, Nhà xuất bản Nông nghiệp: Hà Nội.
- Mai Thị Thanh Xuân & Đặng Thị Thu Hiền (2013), 'Phát triển kinh tế hộ gia đình ở Việt Nam', *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, 29 (3), 1-9.
- Nerlove, M. (1996), 'Reflections on the Economic Organization of Agriculture: Traditional, Modern and Transitional', Martimort, D. (Ed.) *Agricultural Markets (Contributions to Economic Analysis*, Vol. 234), Emerald Group Publishing Limited, Bingley.
- Ngân hàng thế giới (2016), *Báo cáo Phát triển Việt Nam 2016 - Chuyển đổi Nông nghiệp Việt Nam: tăng giá trị, giảm đầu vào*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
- Ngô Văn Hải, Nguyễn Văn Minh, Phạm Thị Thu, Lê Quang Minh và Phạm Thị Phương Nam (2021), 'Các giải pháp phát triển bền vững kinh tế trang trại ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương', *Tạp chí khoa học và công nghệ, Trường đại học Thành Đông*, 2(2), 72-82.
- Ngô Xuân Toàn & Đỗ Thị Thanh Vinh (2014), 'Phát triển mô hình kinh tế trang trại trên địa bàn huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An', *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (31), 97-106.
- Nguyễn Phương Lê & Nguyễn Mậu Dũng (2021), 'Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp vùng Tây Nguyên: Thực trạng và giải pháp', *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 4 (515), 106-116.
- Nguyễn Thị Như Tâm (2018), 'Sự cần thiết của việc phát triển mô hình liên hiệp hợp tác xã trong bối cảnh hội nhập', *Tạp chí Công thương*, 1 (2018), 91-96.
- Quốc hội (1999), *Luật số: 13/1999/QH10. Luật Doanh nghiệp*, ban hành ngày 12 tháng 06 năm 1999, truy cập từ https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=7046
- Quốc hội (2013), *Luật số: 45/2013/QH13. Luật Đất đai*, ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2022, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-dat-dai,-2013-215836.aspx>.
- Quốc hội (2020a), *Luật số: 61/2020/QH14. Luật Đầu tư*, ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2022, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx>
- Quốc hội (2020b), *Luật số: 59/2020/QH14. Luật Doanh nghiệp*, ban hành ngày 15 tháng 4 năm 2022, truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx>.
- Reardon, T., Christopher B. Barrett, Julio A. Berdegue, Johan F.M. Swinnen (2009), 'Agrifood Industry Transformation and Small Farmers in Developing Countries', *World Development*, 37(11), 1717-1727.
- Thanh Thúy (2021), *Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp*, ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2022, truy cập từ <http://baonamdinh.com.vn/channel/5085/202109/doi-moi-hinh-thuc-to-chuc-san-xuat-nong-nghiep-2546280/index.htm>
- Tổng cục Thống kê (2020), *Thông cáo báo chí về kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020*, truy cập ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/06/thong-cao-bao-chi-ve-ket-qua-dieu-tra-nong-thon-nong-nghiep-giua-ky-nam-2020>
- Trần Thị Thu Trang (2021), *Sản xuất nông nghiệp Việt Nam - 5 năm nhìn lại (2016-2020)*, ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2022, truy cập từ <https://consosukien.vn/san-xuat-nong-nghiep-viet-nam-5-nam-nhin-lai-2016-2020.htm>
- Trần Tiến Khai (2007), *Cải thiện của đời sống nông dân Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế - Báo cáo tổng quan*, Hội nghị khoa học thường niên, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, ngày 26-28/8/2007.
- Zuhui Huang & Qiao Liang (2018), 'Agricultural organizations and the role of farmer cooperatives in China since 1978: past and future', *China Agricultural Economic Review*, 10 (1), 48-64.